

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NĂM HỌC 2024 - 2025

ĐỘ TUỔI 25 - 36 THÁNG TUỔI

I. MỤC TIÊU, NỘI DUNG

Mục tiêu giáo dục		Nội dung giáo dục	Thực hiện trong chủ đề
TT	Mục tiêu		
1. Lĩnh vực phát triển thể chất			
1	- Trẻ khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi.	- Trẻ khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi. + Trẻ trai: Cân nặng: 11,3 – 18,3Kg Chiều cao: 88,7 - 103,5cm + Trẻ gái: Cân nặng: 10,8 - 18,1Kg Chiều cao: 87,4 - 102,7cm	10
* Phát triển vận động			
2	Trẻ thực hiện được các động tác trong bài tập thể dục: hít thở, tay, lưng/ bụng và chân.	- Hô hấp: tập hít vào, thở ra - Tay: giơ cao, đưa ra phía trước, đưa sang ngang, đưa ra sau kết hợp với lắc bàn tay. - Lưng, bụng, lườn: cúi về phía trước, nghiêng người sang 2 bên, vặn người sang 2 bên. - Chân: ngồi xuống, đứng lên, co duỗi từng chân	1-> 10
3.	Trẻ biết giữ được thăng bằng trong vận động đi/ chạy thay đổi tốc độ nhanh - chậm theo cô hoặc đi trong đường hẹp có bề vật trên tay.	* Tập đi, chạy: - Đi theo hiệu lệnh. - Đi trong đường hẹp. - Đi có mang vật trên tay - Đi theo đường ngoằn ngoèo - Chạy theo hướng thẳng. - Chạy nhanh về phía trước. - Đứng co 1 chân. - Đi bước vào các ô. - Chạy đổi hướng. - Đi kết hợp với chạy. - Đi trong đường hẹp đầu đội túi cát. - Bước lên xuống bậc cao 15cm. - Bước lên xuống bậc có tay vịn.	2, 3, 4, 6, 7, 8, 9, 10

		- Bước qua gậy kê cao.	
4.	Trẻ thực hiện phối hợp vận động tay - mắt: tung - bắt bóng với cô ở khoảng cách 1m; ném vào đích xa 1-1,2m.	* Tập tung, ném, bắt - Tung- bắt bóng cùng cô. - Ném bóng về phía trước. - Ném bóng vào đích. - Tung bóng bằng 2 tay. - Tung bóng qua dây. - Lăn bóng theo đường zích zắc. - Lăn bóng trong đường hẹp.	3,5, 6, 7, 8, 10
5	Trẻ biết phối hợp tay, chân, cơ thể trong khi bò để giữ được vật đặt trên lưng.	- Tập bò, trườn: - Bò thẳng hướng và có mang vật trên lưng. - Bò chui qua cổng. - Bò qua vật cản. - Trườn qua vật cản. - Bò theo đường ngoằn ngoèo. - Bò theo đường hẹp. - Trườn chui qua cổng.	1, 2, 5, 8, 9
6	Trẻ biết thể hiện sức mạnh của cơ bắp trong vận động ném, đá bóng: ném xa lên phía trước bằng một tay (tối thiểu 1,5m).	- Tập nhún bật: - Ném xa bằng 1 tay. - Bật tại chỗ. - Bật qua vạch kẻ. - Bật xa bằng 2 chân. - Bật liên tục qua 3 ô. - Bật tiến về phía trước. - Nhún bật về phía trước.	4, 5, 6, 8, 9, 10
7	Trẻ vận động cổ tay, bàn tay, ngón tay - thực hiện “múa khéo”	- Xoay tay, chạm các đầu ngón tay với nhau. - Rót, nhào, khuấy, đảo, vò xé. - Tập khâu, luồn dây, cài, cởi cúc, buộc dây.	1, 2, 3, 4, 5, 6, 7
8	Trẻ phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay và phối hợp tay-mắt trong các hoạt động: nhào đất nặn; vẽ tổ chim; khâu vòng tay, chuỗi đeo cổ.	- Đóng cọc bàn gỗ. - Nhón nhặt đồ vật. - Chắp ghép hình - Chồng, xếp 6-8 khối - Tập cầm bút tô, vẽ - Lật mở trang sách	1->10
* Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe			
9	Trẻ thích nghi với chế độ ăn cơm, ăn được các loại thức ăn khác nhau.	- Làm quen với chế độ ăn cơm và các loại thức ăn khác nhau. - Tập luyện nền nếp thói quen tốt trong ăn uống. + Ăn cơm, thịt, đậu, rau, trứng...	1->10

		+ <i>Không làm cơm rơi vãi, không nói chuyện khi ăn.</i> + <i>Biết mời cô và bạn ăn cơm.</i>	
10	Trẻ ngủ 1 giấc buổi trưa	- Luyện thói quen ngủ 1 giấc trưa - Tập nói với người lớn khi có nhu cầu đi ngủ.	1->10
11	Trẻ biết đi vệ sinh đúng nơi quy định	- Tập đi vệ sinh đúng nơi quy định. - Tập nói với người lớn khi có nhu cầu vệ sinh.	5, 6, 7
12	Trẻ làm được một số việc với sự giúp đỡ của người lớn (lấy nước uống, đi vệ sinh...)	- Luyện một số thói quen tốt trong sinh hoạt: ăn chín, uống sôi; rửa tay trước khi ăn; lau mặt, lau miệng, uống nước sau khi ăn; vứt rác đúng nơi quy định. - Tập tự phục vụ: + Xúc cơm, uống nước. + <i>Cách cầm thìa, cầm cốc uống nước.</i> + <i>Xúc cơm (không để cơm rơi), uống nước</i> + Chuẩn bị chỗ ngủ. + <i>Chuẩn bị chỗ ngủ (lấy gối, cất gối)</i> - Tập một số thao tác đơn giản trong rửa tay, lau mặt. - <i>Tự chăm sóc bản thân: (chăm sóc mắt, mũi, miệng sau khi ăn)</i>	4, 7, 8, 9
13	Trẻ chấp nhận: đội mũ khi ra nắng; đi giày dép; mặc quần áo ấm khi trời lạnh	- Mặc quần áo, đi dép, đi vệ sinh, cởi quần áo khi bị bẩn, bị ướt.	2, 9
14	Trẻ biết tránh một số vật dụng, nơi nguy hiểm (bếp đang đun, phích nước nóng, xô nước, giếng) khi được nhắc nhở.	- Nhận biết một số vật dụng nguy hiểm, những nơi nguy hiểm không được phép sờ vào hoặc đến gần. - <i>Nhận biết được nguồn lửa, nguồn nhiệt và một số vật dụng có thể gây cháy nổ, bếp ga, bếp củi, bình ga, bật lửa, bao diêm.</i> - <i>Cách phòng tránh nguồn lửa, nguồn nhiệt và một số sự cố có thể gây cháy nổ. Không được đến gần bếp ăn, ổ điện, bật lửa, phích nước nóng, bộ xe máy, máy nổ, cháy nhà.</i> - <i>Nhận biết các tín hiệu, phương tiện báo động cháy và có hành động phù hợp khi nghe các tín hiệu báo động cháy.</i>	3, 4, 10

		- <i>Nghe thấy tiếng báo động thì trẻ chạy ra khỏi nơi đang ở.</i>	
15	Trẻ biết và tránh một số hành động nguy hiểm (leo trèo lên lan can, chơi nghịch các vật sắc nhọn,...) khi được nhắc nhở.	- Nhận biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh. - <i>Kỹ năng bảo vệ sức khỏe và an toàn</i> - <i>Không chơi nghịch vật sắc nhọn như dao, kéo, leo trèo lan can.</i>	1, 2
2. Lĩnh vực phát triển nhận thức			
16	Trẻ sờ nắn, nhìn, nghe, ngửi, ném để nhận biết đặc điểm nổi bật của đối tượng.	- Tìm đồ vật vừa mới cất giấu. - Nghe và nhận biết âm thanh của một số đồ vật, tiếng kêu của số một số con vật quen thuộc. + <i>Trống, xắc xô, phách tre, mõ...</i> + <i>Con gà, con mèo, con lợn, con chó...</i> - Sờ nắn, nhìn, ngửi ... đồ vật, hoa, quả để nhận biết đặc điểm nổi bật. - Sờ nắn đồ vật, đồ chơi để nhận biết cứng mềm, trơn (nhẵn) xù xì. - Nếm vị một số thức ăn quả (ngọt, chua, mặn)	2, 5, 7,
17	Trẻ chơi bắt chước một số hành động quen thuộc của những người gần gũi. Sử dụng được một số đồ dùng, đồ chơi quen thuộc.	- Tên, đặc điểm nổi bật, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi quen thuộc (Giường, tủ, bát, cốc thìa, ô tô, bóng, ...) - <i>Sử dụng đồ dùng, đồ chơi:</i> + <i>Cất đúng nơi quy định, không quăng ném, đập phá.</i>	1, 2, 3, 8, 10
18	Trẻ nói được tên của bản thân và những người gần gũi khi được hỏi.	- Tên và một số đặc điểm bên ngoài của bản thân - Tên và công việc của những người thân gần gũi trong gia đình (Ông, bà, Bố, mẹ, anh, chị...) - <i>Thể hiện cảm xúc của bản thân, người thân và người khác: ôm, bế, thơm.</i> - Tên của cô giáo, các bạn, nhóm/ lớp (cô giáo, các bạn...) - <i>Nắng nóng, hạn hán, lũ lụt, sạt lở đất, mưa ròng, lốc, sét, mưa đá, động đất</i> + <i>Phòng chống đuối nước.</i> - <i>Ích lợi của nước đối với đời sống con người, con vật và cây.</i>	1, 3, 4

		- <i>Làm quen với ngôn ngữ tiếng việt: Trẻ nói được tên đồ chơi, đồ vật, một số bộ phận, con vật, hoa quả, hình tròn, hình vuông, màu sắc.</i>	
19	Trẻ nói được tên và chức năng của một số bộ phận cơ thể khi được hỏi.	- Tên, chức năng chính một số bộ phận của cơ thể: mắt, mũi, miệng, tai, tay, chân. + <i>Bảo vệ các bộ phận trên cơ thể (bảo vệ đôi mắt, bảo vệ tai, mũi, bàn tay...)</i>	1, 3
20	Trẻ nói được tên và một vài đặc điểm nổi bật của các đồ vật, hoa quả, con vật quen thuộc.	- Tên và một số đặc điểm nổi bật của con vật (Con chó, con mèo, con gà, con vịt, con cá, con bò...) - Tên và một số đặc điểm nổi bật của rau, hoa, quả quen thuộc (rau cải, rau ngót, su hào, bắp cải, quả táo, quả cà chua, hoa hồng, hoa đào, hoa mai...) - Tên, đặc điểm nổi bật và công dụng của phương tiện giao thông gần gũi (ô tô, xe đạp, xe máy, tàu hỏa, tàu điện, máy bay, thuyền buồm...) - <i>Sống gần gũi với môi trường tự nhiên</i> + <i>Yêu quý, chăm sóc, bảo vệ cây cảnh thiên nhiên.</i> + <i>Tưới nước, nhổ cỏ, không ngắt lá, bẻ cành, lau lá cây.</i> + <i>Tiếp xúc an toàn với động vật.</i> + <i>Không lại gần và ôm chó, mèo, trâu, bò.</i>	5, 7, 8
21	Trẻ chỉ/nói tên hoặc lấy hoặc cất đúng đồ chơi màu đỏ/vàng/ xanh theo yêu cầu.	- Màu đỏ, vàng, xanh. - Kích thước to - nhỏ. - Hình tròn, hình vuông. - Vị trí trong không gian (trên - dưới, trước - sau) so với bản thân trẻ. - Số lượng một - nhiều.	2, 3, 4, 6,10
22	<i>Trẻ nhận biết và nhắc lại được tiếng việt tên đồ chơi, đồ vật, con vật, hoa quả, hình tròn, hình vuông, màu sắc... hướng dẫn gợi ý của cô.</i>	<i>Trẻ nói và nhắc lại được tiếng việt tên đồ chơi, đồ vật, con vật, hoa quả, hình tròn, hình vuông, màu sắc... hướng dẫn gợi ý của cô.</i>	1, 2, 4, 7
3. Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ			
23	Trẻ thực hiện được nhiệm vụ gồm 2-3 hành động. Ví dụ:	- Nghe lời nói với sắc thái tình cảm khác nhau	3, 4

	Cháu cất đồ chơi lên giá rồi đi rửa tay.	- Nghe các từ chỉ tên gọi đồ vật, sự vật, hành động quen thuộc - Nghe và thực hiện các yêu cầu bằng lời nói.	
24	Trẻ trả lời các câu hỏi: “Ai đây?”, “Cái gì đây?”, “...làm gì?”, “....thế nào?” (ví dụ: con gà gáy thế nào?”, ...)	- Nghe các câu hỏi: Cái gì? Làm gì? Để làm gì? Ở đâu? Như thế nào?	5
25	Trẻ hiểu nội dung truyện ngắn đơn giản: trả lời được các câu hỏi về tên truyện, tên và hành động của các nhân vật.	- Nghe các bài thơ, đồng dao, ca dao, hò vè, câu đố, bài hát và truyện ngắn. - Lắng nghe khi người lớn đọc sách. - <i>Trẻ nghe và nói được các từ, câu đơn, câu có 5-7 tiếng việt chỉ con vật, đồ vật, sự vật, hoa quả, hoạt động.</i> - Xem tranh và gọi tên các nhân vật, sự vật, hành động gần gũi trong tranh. - Thích nghe kể chuyện, nghe hát, đọc thơ, xem tranh về Bác Hồ.	5, 6, 7
26	Trẻ phát âm rõ tiếng.	- Kể lại đoạn truyện được nghe nhiều lần, có gợi ý.	1->10
27	Trẻ đọc được bài thơ, ca dao, đồng dao với sự giúp đỡ của cô giáo.	- Đọc các đoạn thơ, bài thơ ngắn có câu 3 - 4 tiếng.	1->10
28	Trẻ nói được câu đơn, câu có 5 - 7 tiếng, có các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm quen thuộc.	- Sử dụng các từ chỉ đồ vật, con vật, đặc điểm, hành động quen thuộc trong giao tiếp. - <i>Trẻ nghe và nói được các từ, câu đơn, câu có 5-7 tiếng tiếng việt chỉ con vật, đồ vật, sự vật, hoa, quả, hoạt động, đặc điểm.</i>	2, 5, 7
29	Trẻ sử dụng lời nói với các mục đích khác nhau: + Biết chào hỏi, trò chuyện. + Biết bày tỏ nhu cầu của bản thân. + Biết hỏi về các vấn đề quan tâm như: con gì đây? cái gì đây?, ...	- Thể hiện nhu cầu, mong muốn và hiểu biết bằng 1-2 câu đơn giản và câu dài. - Trả lời và đặt câu hỏi: cái gì?, làm gì?, ở đâu?, thế nào?, để làm gì?, tại sao?... - <i>Thể hiện nhu cầu của bản thân:</i> + <i>Muốn được bế, đổi, khát nước, đi vệ sinh...</i>	1, 2, 3, 5
30	Trẻ nói to, đủ nghe, lễ phép.	- Sử dụng các từ thể hiện sự lễ phép khi nói chuyện với người lớn.	3, 4
31	<i>Hình thành và phát triển khả năng</i>	<i>Trẻ nghe, nói tiếng việt có sự hướng</i>	4

	<i>năng nghe, nói tiếng việt có sự hướng dẫn của cô giáo</i>	<i>dẫn của cô giáo</i>	
4. Lĩnh vực phát triển TC, KNXH và TM			
32	Trẻ nói được một vài thông tin về mình (tên, tuổi).	- Nhận biết tên gọi, một số đặc điểm bên ngoài bản thân.	1
33	Trẻ biết thể hiện điều mình thích và không thích.	- Nhận biết một số đồ dùng, đồ chơi yêu thích của mình	2
34	Trẻ biểu lộ sự thích giao tiếp với người khác bằng cử chỉ, lời nói.	- Giao tiếp với những người xung quanh. - <i>Thể hiện sự biết ơn, tôn trọng những gì người khác làm cho mình:</i> + <i>Trẻ biết xin khi được người khác cho quà.</i>	3, 4
35	Trẻ nhận biết được trạng thái cảm xúc vui, buồn, sợ hãi.	- Nhận biết một số trạng thái cảm xúc: vui, buồn, tức giận. - <i>Kỹ năng kiểm soát cảm xúc:</i> + <i>Tiếp nhận lời khen, chê.</i> + <i>Khi được khen trẻ tươi vui phấn khởi, nhảy múa.</i> + <i>Khi bị chê trẻ giận dỗi, nét mặt buồn, ủ rũ, khóc...</i> * <i>Kỹ năng bảo vệ sức khỏe và an toàn:</i> - <i>Khi người lạ bế, trẻ biết gào khóc, kêu gọi người thân.</i> - <i>Trẻ nhận diện và thể hiện cảm xúc của bản thân.</i> + <i>Được người thân bế vui vẻ, tươi cười, âu yếm</i> + <i>Người lạ bế la khóc giãy giụa, kêu la.</i>	3, 4
36	Trẻ biểu lộ cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi qua nét mặt, cử chỉ.	- Thể hiện một số trạng thái cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi qua nét mặt, cử chỉ.	3, 4
37	Trẻ biểu lộ sự thân thiện với một số con vật quen thuộc/gần gũi: bắt chước tiếng kêu, gọi.	- Quan tâm đến các vật nuôi, bắt chước tiếng gà gáy, tiếng con vịt kêu, thích chơi những trò chơi tạo dáng các con vật	5
38	Trẻ biết chào, tạm biệt, cảm ơn, ạ, vâng ạ.	- Thực hiện một số hành vi văn hóa và giao tiếp: chào tạm biệt, cảm ơn, nói từ “ạ”, “vâng ạ”; chơi cạnh bạn, không cầu bạn.	1, 2, 3, 4

39	Trẻ biết thể hiện một số hành vi xã hội đơn giản qua trò chơi giả bộ (trò chơi bế em, khuấy bột cho em bé, nghe điện thoại...).	- Tập sử dụng đồ dùng, đồ chơi. - Thực hiện một số quy định đơn giản trong sinh hoạt ở nhóm, lớp: xếp hàng chờ đến lượt, để đồ chơi vào nơi qui định. - <i>Kính yêu Bác Hồ</i> - <i>Vứt rác đúng nơi quy định</i>	2, 10
40	Trẻ biết chơi thân thiện cạnh trẻ khác.	- Chơi thân thiện với bạn: chơi cạnh bạn, không tranh giành đồ chơi với bạn. - <i>Trình bày ý kiến cá nhân</i> - <i>Trẻ sử dụng các từ đề nghị sự giúp đỡ khi bị đau, ngứa, bị thương...</i> - <i>Thể hiện sự quan tâm:</i> + <i>Bạn khóc biết ôm, xoa đầu.</i> + <i>Bạn đau khóc, ngã biết gọi người lớn.</i>	1, 2
41	Trẻ thực hiện một số yêu cầu của người lớn.	- Thực hiện một yêu cầu đơn giản của giáo viên .	4
42	Trẻ biết hát và vận động đơn giản theo một vài bài hát / bản nhạc quen thuộc.	- Nghe hát, nghe nhạc với các giai điệu khác nhau; nghe âm thanh của các nhạc cụ. - Hát và tập vận động đơn giản theo nhạc.	1-> 10
43	Trẻ thích tô màu, vẽ, nặn, xé, xếp hình, xem tranh (cầm bút di màu, vẽ nguệch ngoạc).	- Vẽ các đường nét khác nhau, di màu, xé, vò, xếp hình. - Xem tranh	1->10
44	<i>Trẻ bước đầu tham gia bảo vệ môi trường</i>	- <i>Trẻ biết bỏ rác đúng nơi quy định</i> - <i>Trẻ chơi xong biết cất đồ dùng, đồ chơi đúng nơi quy định.</i>	2

II. DỰ KIẾN CHỦ ĐỀ VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN CHỦ ĐỀ

Thời gian	STT	Chủ đề	Chủ đề nhánh	Số tuần	Lễ /hội	Ghi chú
4/9- 6/9	1	Bé và các bạn	Trẻ làm quen nề nếp			
09/09 - 13/09			Bé biết nhiều thứ	1		
16/09 - 20/09			Bé vui trung thu	1	Tết trung thu 17/9	
23/09 - 27/09			Lớp học của bé			
30/9- 04/10	2	Đồ chơi của bé	Bé và các bạn cùng chơi	1		
07/10- 11/10			Bé có đồ chơi đẹp	1		
14/10 - 18/10			Đồ dùng của bé	1		
21/10 - 25/10	3	Mẹ và những người thân yêu	Mẹ và bé	1		
28/10- 01/11			Những người thân trong gia đình	1		
04/11 - 8/11			Đồ dùng trong gia đình	1		
11/11 -15/11			Bé thích đồ dùng gì	1		
18/11 -22/11	4	Các cô các bác trong trường mầm non	Cô giáo của bé	1	Ngày NGVN 20/11	
25/11 -29/11			Cô nuôi dưỡng	1		
02/12 -06/12			Các cô các bác trong nhà trẻ	1		
9/12 - 13/12	5	Những con vật đáng yêu	Các con vật nuôi trong gia đình (gia súc, gia cầm)	1		
16/12 - 20/12			Ngày thành lập quân đội nhân dân Việt Nam	1	QĐNDVN 22/12	
23/12 -27/12			Các con vật sống trong rừng	1		
30/12 – 3/1/2025			Những con vật sống dưới nước.	1	Nghỉ tết dương lịch 1/1/2025	
6/1 -10 /1	6	Ngày tết vui vẻ	Ngày tết của bé	1		
13/1 - 17/1			Ôn		Kết thúc hk I 15/1	
20/1 - 24/1			Trang phục ngày tết	1		

27/1- 31/1			Nghỉ tết nguyên đán		Tết nguyên đán	
3/2-7/2			Món ăn ngày tết	1		
10/2 - 14/2	7	Cây và những bông hoa đẹp	Những bông hoa đẹp	1		
17 /2 - 21/2			Bé thích ăn quả gì	1		
24/2 -28/2			Bé thích ăn rau gì	1		
3/3 - 7/3			Ngày mừng 8/3	1	Ngày QTPN 8/3	
10/3 -14/3			Em yêu cây xanh	1		
17/3 - 21/3			Xe đạp	1		
24/3 - 28/3			Xe máy	1		
31/3 - 4/4	8	Phương tiện giao thông	Ô tô	1		
7/4 – 11/4			Một số quy định giao thông	1	Giỗ tổ HV 10/3	
14/4 - 18/4	9	Mùa hè đến rồi	Thời tiết mùa hè	1		
21/4- 25/4			Trang phục mùa hè	1		
28/4- 2/5			Món ăn ngày hè	1	Nghi 30/4-1/5	
5/5- 9/5	10	Bé lên mẫu giáo	Bé chuẩn bị lên mẫu giáo	1		
12/5-16/5			Lớp mẫu giáo 3 tuổi	1		
19/5-23/5			Bác Hồ kính yêu	1	Ngày SN Bác	

Pa ham. Ngày 04 tháng 09 năm 2024

NGƯỜI LẬP KẾ HOẠCH TỔ TRƯỞNG CHUYÊN MÔN

PHÊ DUYỆT CỦA CHUYÊN
MÔN NHÀ TRƯỜNG

Quàng Thị Sinh

Nguyễn Thị Thương Hiền

Sìn Thị Cúc